TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2020/QĐST - HNGĐ	*N, Ngày 08 tháng 01 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 156/2019/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C** – Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn 6, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:*Anh **Nguyễn Duy T** – Sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Thôn 6, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản nghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 31/12/2019 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị C** và Anh **Nguyễn Duy T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị C và Anh Nguyễn Duy T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh, chị kết hôn với nhau vào ngày 04/09/2013, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã B, huyện N cấp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình và quan điểm sống

không hợp nhau. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cả chị C và Anh T đều thống nhất thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị C và Anh Nguyễn Duy T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và Chị Nguyễn Thị C có 01 con riêng. Cháu tên là: Nguyễn Thị Mai A - Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 14/7/2005. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Anh Nguyễn Duy T có 02 con riêng. Cháu thứ nhất tên là: Nguyễn Thị Y – Giới tính nữ; sinh ngày 10/11/1989. Cháu thứ hai tên là: Nguyễn Duy Đ – Giới tính Nam – Sinh ngày: 16/05/1992. Chị Nguyễn Thị C và Anh Nguyễn Duy T đều có ý kiến chung, thống nhất là: Giao cháu Nguyễn Thị Mai A cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Còn các cháu Nguyễn Thị Y và Nguyễn Duy Đ hiện đã trên 18, đã có gia đình riêng. Cả Chị C và Anh T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng hàng tháng (Vì cháu Mai A là con riêng của Chị C).

* *Về tài sản và các nghĩa vụ chung:* Chị Nguyễn Thị C và Anh Nguyễn Duy T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

* *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị C và Anh Nguyễn Duy T đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS - HNGĐ sơ thẩm nhưng hiện tại chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003406, Ngày 26 tháng 12 năm 2019. Nên chị Nguyễn Thị C được nhận lại 150.000đồng tiền án phí; Anh Nguyễn Duy T không phải chịu án phí DS-HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THA DS huyện N;*
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *UBND xã B, huyện N;*
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn